TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2018/DS-ST
Ngày: 19 – 10 - 2018
"*V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Giang Thị Cẩm Thúy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Ông Quách Thanh Trung

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Hồng Thị Xuân** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phiên tòa*: Ông **Triệu Đăng Khoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2018/TLST- DS ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Kim C** sinh năm 1963

Địa chỉ: khóm m, phường H, thị xã G, tỉnh B.

2. Bị đơn: Bà **Danh Thị T** sinh năm 1945
Địa chỉ: khóm n, phường H, thị xã G, tỉnh B.
3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
3.1 Bà **Lê Thị K** sinh năm 1940
3.2 Chị **Mai Tiết K** sinh năm 1962
Cùng địa chỉ: khóm m, phường m, thị xã G, tỉnh B.
(Bà C có mặt tại phiên tòa; bà T, bà K và chị K vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Kim C trình bày: Ngày 15/12/2012 (âm lịch) bà Danh Thị T có hỏi vay bà số tiền 10.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 6%/tháng (6 lai). Khi vay tiền bà T có viết biên nhận tiền cho bà giữ, biên nhận do bà T tự viết và bà T có đưa cho bà 01 cuốn sổ liệt sĩ tên Trần Văn T để làm tin. Sau khi vay tiền bà T có trả tiền lãi cho bà nhưng không đầy

đủ, tổng số tiền mà bà T đã trả cho bà là 4.800.000 đồng, mỗi khi trả tiền bà T đều ghi vào biên nhận nợ, đối với số tiền vốn thì bà T chưa trả nhưng cuốn sổ liệt sĩ tên Trần Văn T thì bà đã trả lại cho bà T. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho bà số tiền vốn 10.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi từ ngày vay đến nay và cả trong giai đoạn thi hành án.

Bị đơn là bà Danh Thị T trình bày tại các biên bản lấy lời khai: Bà không có vay tiền của Bà C. Bà chỉ cầm sổ liệt sĩ tên Trần Văn T cho Bà C để nhận số tiền 10.000.000 đồng để đưa lại cho chị Mai Tiết K. Bà đã đưa cho chị K số tiền 10.000.000 đồng sau khi nhận tiền của Bà C nhưng bà không làm biên nhận. Nhưng khi bà nhận tiền của Bà C thì bà có làm biên nhận nợ đưa Bà C giữ. Sau đó bà có trả cho Bà C nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu tiền, bà cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Thời gian chị Mai Tiết K không có nhà thì mẹ chị K tên Lê Thị K đã đứng ra trả hết số tiền nợ cho Bà C nên bà không đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng theo yêu cầu của Bà C do bà đã trả xong, không còn nợ Bà C nữa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị K trình bày: Bà không biết gì về việc vay tiền giữa bà Lê Kim C và bà Danh Thị T. Nhưng theo bà T khai là bà nhận tiền của bà T 10.000.000 đồng và bà đã trả tiền cho Bà C là không đúng. Bà cũng không vay tiền gì của Bà C nhưng bà có đứng ra trả tiền thay cho con gái bà tên Mai Tiết K vì Kiệm có nợ tiền 8.000.000 đồng của bà T. Bà T đòi tiền nên bà đứng ra trả cho chị K, khi trả tiền thì bà đưa tiền cho Bà C vì bà T kêu bà cứ đưa tiền cho Bà C, tổng số tiền mà bà đã đưa cho Bà C là 8.000.000 đồng. Bà đã trả hết số tiền nợ của chị K nên chị K không còn nợ bà T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – chị Mai Tiết K trình bày: Chị không biết gì về số tiền vay 10.000.000 đồng giữa Bà C và bà T. Chị cũng không vay tiền của Bà C nhưng khoảng năm 2011 chị có hỏi tiền của bà T, số tiền là 8.000.000 đồng. Theo chị biết thì bà T vay tiền của Bà C để cho chị vay lại. Chị trực tiếp nhận 8.000.000 đồng từ bà T đưa nhưng hiện nay chị không còn nợ nữa do mẹ chị tên Lê Thị K đã đứng ra trả nợ thay cho chị khi chị đi làm ăn xa không có ở nhà. Khi trả tiền thì bà T kêu đưa tiền cho Bà C, còn giữa Bà C và bà T tính toán sao thì chị không biết. Chị xác định là chị vay bà T số tiền 8.000.000 đồng và đã trả hết số tiền vốn cùng lãi. Chị không biết gì về số tiền vay 10.000.000 đồng giữa Bà C và bà T.

Bà Danh Thị T, Lê Thị K và chị Mai Tiết K có gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, bà K, chị K theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử những

người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng các Điều 463, 466, 468 và Điều 469; áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim C đối với bà Danh Thị T. Buộc bà Danh Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Kim C số tiền vay 10.000.000 đồng, không tính lãi phát sinh kể cả trong giai đoạn thi hành án do Bà C không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, các đương sự đã trình bày ý kiến tại các biên bản lấy lời khai. Đồng thời, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, bà K và chị K theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với số tiền vốn vay 10.000.000 đồng: Theo lời khai và tài liệu chứng cứ của các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vay tiền giữa bà Lê Kim C và bà Danh Thị T là có xảy ra trên thực tế và được các bên thừa nhận, thể hiện bằng biên nhận nợ là giấy viết tay do người vay là bà Danh Thị T trực tiếp viết và ký nhận tiền đề ngày 15/12/2012. Theo biên nhận thì Bà C cho bà T vay 03 lần, 1 lần vay 5.000.000 đồng, 01 lần vay 1.000.000 đồng và lần thứ 3 vay 4.000.000 đồng, tổng cộng bà T ký nhận trước sau đã vay của Bà C số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thể hiện là 6 lai. Bà Lê Kim C đã cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ là căn cứ khởi kiện yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay 10.000.000 đồng, bà đã đòi nhiều lần như bà T không trả và hứa sau khi xây nhà xong sẽ trả nhưng khi xây nhà xong thì bà T chỉ trả cho Bà C số tiền 200.000 đồng. Tại các lời khai bị đơn Danh Thị T thừa nhận biên nhận đề ngày 15/12/2012 là do bà viết và ký tên nhưng bà không đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng cho Bà C vì bà cho rằng bà đã trả hết số tiền nợ cho Bà C. Tòa án đã yêu cầu bà T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ số tiền 10.000.000 đồng nhưng bà T xác định không có chứng cứ gì để cung cấp mà yêu cầu Tòa án làm việc với bà Lê Thị K, chị Mai Tiết K vì bà vay tiền thay cho chị K. Sau khi vay tiền thì bà T đã trả số tiền 5.500.000 đồng, mẹ chị K tên Khước đã trả cho Bà C 4.500.000 đồng, như vậy bà đã trả xong số tiền 10.000.000 đồng cho Bà C. Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của bà K và chị K thì họ xác định là không biết gì về việc vay nợ số tiền 10.000.000 đồng giữa bà T và Bà C nhưng họ thừa nhận là chị K có vay nợ

số tiền 8.000.000 đồng của bà T và đã trả xong số tiền nợ, khi trả tiền thì bà K là người trực tiếp trả cho Bà C theo lời của bà T (bút lục 28). Tổng số tiền bà Lê Thị K đã đưa cho Bà C để trả cho bà T là 8.000.000 đồng, Bà C trực tiếp nhận tiền và thừa nhận có nhận số tiền bà K trả nợ thay cho chị K đối với số tiền vay của bà T (bút lúc số 33). Sau khi nhận tiền từ bà K thì Bà C đã đưa lại cho bà T và ngay sau đó bà T ghi vào biên nhận trả tiền vay cho Bà C. Nhưng bà T chỉ trả tiền lãi của số tiền vay 10.000.000 đồng mà không trả tiền vốn vay do bà T vay tiền bà cùng lúc 02 khoản. Một khoản 10.000.000 đồng biên nhận ngày 15/12/2012 và một khoản vay biên nhận đề ngày 02/11/2011 nên bà T không trả số tiền vay 10.000.000 đồng mà bà T chỉ trả hết khoản vay 12.000.000 đồng nên bà khởi kiện yêu cầu bà T trả khoản vay 10.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy lời khai và các biên nhận nợ của bà Lê Kim C cung cấp là có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ người vay tiền là bà Danh Thị T đã thừa nhận Biên nhận nợ đề ngày 15/12/2012 là do bà viết và ký tên nhận tiền thì bà T phải có trách nhiệm trả khoản tiền vay 10.000.000 đồng cho Bà C. Bà cho rằng đã trả nợ cho Bà C xong nhưng bà không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, bà chỉ khai là bà cùng với bà K (mẹ của chị K) trả nợ vay cho Bà C nhưng các lời khai của bà không thống nhất về số tiền bà trực tiếp trả cho Bà C. Trong khi lời khai của bà K và chị K đều xác định không biết gì về số tiền vay 10.000.000 đồng giữa bà T và Bà C, bà K đưa tiền cho Bà C là để trả nợ thay chị K khoản vay 8.000.000 đồng của bà T. Số tiền vay 8.000.000 đồng của bà T và chị K và số tiền vay 10.000.000 đồng gữa Bà C và bà T là 02 khoản vay khác nhau. Bà T khai bà K trả tiền cho Bà C là trả tiền vay 10.000.000 đồng cho bà là không phù hợp. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định "nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn" nhưng bà T không có chứng cứ gì chứng minh đã trả khoản tiền vay 10.000.000 đồng cho Bà C thì bà T phải có nghĩa vụ trả cho Bà C số tiền vay 10.000.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Đối với số tiền lãi: Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2018 bà Lê Kim C có yêu cầu Tòa án giải quyết và tính lãi phát sinh từ ngày vay đến ngày bà khởi kiện trên số tiền vay 10.000.000 đồng theo mức lãi suất nhà nước quy định. Nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà không yêu cầu và xin rút lại một phần khởi kiện về lãi phát sinh, do đó Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu tính lãi của bà Lê Kim C. Đối với số tiền lãi 4.800.000 đồng Bà C thừa nhận đã nhận tiền lãi của bà T nhưng bà không yêu cầu giải quyết do số tiền này là tiền lãi bà T trả cho số tiền vay của bà, cộng thêm bà đã cho bà T vay tiền từ năm 2012 đến nay mà bà T không trả vốn vay nên bà yêu cầu nhận số tiền 4.800.000 đồng và không trừ vào số tiền vốn vay cho bà T và bà không yêu cầu tính lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/9/2018 (bút lục 32), Tòa án có hỏi bà T là "có yêu cầu gì đối với số tiền 4.800.000 đồng đã trả cho Bà C hay không" thì bà T xác định là không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không tính lại số tiền 4.800.000 đồng và ghi nhận ý kiến của Bà C về việc không yêu cầu tính lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án đối với bà T về số tiền 10.000.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp với quy định nên HĐXX ghi nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là bà Danh Thị T phải chịu án phí có giá ngạch là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng. Nguyên đơn là bà Lê Kim C không phải chịu án phí, Bà C đã dự nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo lai thu số 0012142 ngày 28/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được hoàn lại đủ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 147, 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim C đối với bà Danh Thị T về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Danh Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Kim C số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền vay của bà Lê Kim C đối với bà Danh Thị T.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là bà Danh Thị T phải chịu án phí có giá ngạch là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng. Nguyên đơn là bà Lê Kim C không phải chịu án phí, Bà C đã dự nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo lai thu số 0012142 ngày 28/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được hoàn lại đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;

- VKSND thị xã Giá Rai;
- Chi cục THA thị xã Giá Rai;
- Lưu hồ sơ.

Giang Thị Cẩm Thúy